

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG**

Số: 188/BHHK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 4 năm 2022 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

- Mã chứng khoán: AIC
- Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 024 6276 5555 Fax: 024 6276 5556

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 4 năm 2022
- Văn bản giải trình

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/01/2023 tại đường dẫn: <https://bhhk.com.vn/bao-cao-tai-chinh.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Quý 4 năm 2022
- Văn bản giải trình

Người thực hiện công bố thông tin



Nguyễn Hoàng Mai

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
				Số đầu năm (Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		3,018,090,982,861	2,668,016,407,160
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	450,500,344,604	220,739,121,164
1. Tiền	111		420,500,344,604	190,739,121,164
2. Các khoản tương đương tiền	112		30,000,000,000	30,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	584,726,010,234	653,104,516,751
1. Đầu tư ngắn hạn	121		587,896,769,251	657,122,435,008
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3,170,759,017)	(4,017,918,257)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,194,312,595,424	1,060,151,895,249
1. Phải thu khách hàng	131		724,054,290,022	780,042,357,249
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	335,753,587,995	302,902,087,928
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	388,300,702,027	477,140,269,321
2. Trả trước cho người bán	132		10,382,473,486	11,099,798,141
3. Các khoản phải thu khác	135	9	501,116,847,133	310,620,165,580
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(41,241,015,217)	(41,610,425,721)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		55,326,396,307	71,322,384,847
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	53,276,675,985	71,226,447,092
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		50,069,037,027	67,860,460,031
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		3,207,638,958	3,365,987,061
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,049,720,322	95,937,755
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	-	-
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	12	733,225,636,292	662,698,489,149
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		423,250,927,439	360,141,531,025
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		309,974,708,853	302,556,958,124
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		710,516,280,495	814,546,618,923
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13,524,094,192	13,140,842,819
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	13,524,094,192	13,140,842,819
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		6,524,094,192	6,140,842,819
II. Tài sản cố định	220		7,564,163,702	8,376,062,925
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	3,942,854,788	3,926,457,864
<i>Nguyên giá</i>	222		22,289,081,815	21,522,155,858
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(18,346,227,027)	(17,595,697,994)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	3,621,308,914	4,449,605,061
<i>Nguyên giá</i>	228		7,064,854,959	7,034,854,959
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3,443,546,045)	(2,585,249,898)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	674,778,878,174	760,465,005,000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258		674,778,878,174	760,465,005,000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		14,649,144,427	32,564,708,179
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		14,649,144,427	32,564,708,179
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3,728,607,263,356	3,482,563,026,083

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm (Phân loại lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		2,656,248,355,171	2,430,287,741,234
I. Nợ ngắn hạn	310		2,612,804,051,537	2,428,562,041,118
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		414,572,206,503	398,439,746,681
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	15	411,828,414,574	382,300,546,123
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		2,743,791,929	16,139,200,558
3. Người mua trả tiền trước	313		5,032,677,026	5,338,891,183
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	9,487,296,331	19,954,361,734
5. Phải trả người lao động	315		53,917,858,560	76,150,801,660
6. Chi phí phải trả	316		108,954,044	407,425,198
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	8,082,599,716	7,301,755,642
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	141,526,274,119	112,803,915,104
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8,534,951	74,134,032
10. Dự phòng nghiệp vụ	329	18	1,980,067,650,287	1,808,091,009,884
10.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		1,243,381,434,094	1,205,517,281,083
10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2		632,519,688,794	518,545,249,357
10.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		104,166,527,399	84,028,479,444
II. Nợ dài hạn	330		43,444,303,634	1,725,700,116
1. Phải trả dài hạn khác	333		1,000,000	6,000,000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		43,443,303,634	1,719,700,116
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		1,072,358,908,185	1,052,275,284,849
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	1,072,358,908,185	1,052,275,284,849
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		14,075,285,142	13,070,883,929
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		58,283,623,043	39,204,400,920
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		3,728,607,263,356	3,482,563,026,083


Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng

 Nguyễn Thành Quang
 Phó Tổng Giám đốc
 Thường trực điều hành

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2023

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 4 năm 2022	Quý 4 năm 2021	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	631,029,395,297	475,579,544,590	2,327,881,442,787	1,488,192,855,501
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	119,011,003,029	189,480,511,497	250,813,272,350	237,096,309,417
3. Thu nhập khác	13	242,515,150	508,938,183	1,336,033,637	1,070,566,955
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	678,122,919,261	567,854,495,423	2,280,055,426,801	1,459,648,961,789
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	873,202,762	2,543,638,956	24,457,366,466	(10,000,825,365)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	59,784,934,093	89,915,273,896	253,556,945,652	256,608,717,924
7. Chi phí khác	24	730,778,702	84,883,455	812,419,126	112,531,476
8. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	10,771,078,658	5,170,702,540	21,148,590,729	19,990,346,049
9. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	10,678,419,182	4,438,395,368	20,088,024,255	17,246,737,810

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2022	Quý 4 năm 2021	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	01	20	779,234,287,284	627,609,103,471	2,819,393,546,350	1,923,130,862,782
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		761,974,535,043	764,709,391,381	2,812,266,447,795	2,178,945,551,571
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		13,424,427,016	16,162,425,181	44,991,251,566	40,658,111,969
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		(3,835,325,225)	153,262,713,091	37,864,153,011	296,472,800,758
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)	02	21	230,586,774,984	191,852,157,919	778,124,681,604	608,244,545,850
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		233,315,359,408	236,191,793,044	841,234,078,018	720,735,195,644
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		2,728,584,424	44,339,635,125	63,109,396,414	112,490,649,794
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		548,647,512,300	435,756,945,552	2,041,268,864,746	1,314,886,316,932
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		82,381,882,997	39,822,599,038	286,612,578,041	173,306,538,569
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		60,256,885,168	39,787,098,205	216,614,168,046	173,019,937,582
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		22,124,997,829	35,500,833	69,998,409,995	286,600,987
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		631,029,395,297	475,579,544,590	2,327,881,442,787	1,488,192,855,501
6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)	11		328,626,487,032	215,977,583,049	1,045,452,476,320	715,656,147,833
- Tổng chi bồi thường	11.1		328,626,487,032	215,977,583,049	1,045,452,476,320	715,656,147,833
- Các khoản giảm trừ (Thu hồi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý 100%)	11.2		-	-	-	-
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		119,814,687,845	78,209,940,989	421,644,850,214	299,875,733,463
8. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		(36,768,010,592)	42,585,494,604	113,974,439,437	35,654,546,921
9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(71,868,851,302)	20,416,486,551	7,417,750,729	7,769,518,146
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	22	243,912,639,897	159,936,650,113	730,364,314,814	443,665,443,145
11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	16		5,398,654,816	5,446,834,479	20,138,047,955	14,988,647,344
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	23	428,811,624,548	402,471,010,831	1,529,553,064,032	1,000,994,871,300
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		37,034,878,017	29,558,088,255	170,558,928,251	88,177,559,650
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		391,776,746,531	372,912,922,576	1,358,994,135,781	912,817,311,650
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		678,122,919,261	567,854,495,423	2,280,055,426,801	1,459,648,961,789
14. LN (Lỗ) gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		(47,093,523,964)	(92,274,950,833)	47,826,015,986	28,543,893,712

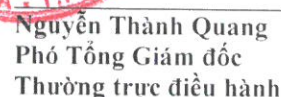
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2022	Quý 4 năm 2021	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	24	119,011,003,029	189,480,511,497	250,813,272,350	237,096,309,417
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	25	873,202,762	2,543,638,956	24,457,366,466	(10,000,825,365)
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		118,137,800,267	186,936,872,541	226,355,905,884	247,097,134,782
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	59,784,934,093	89,915,273,896	253,556,945,652	256,608,717,924
19. LN (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		11,259,342,210	4,746,647,812	20,624,976,218	19,032,310,570
20. Thu nhập khác	31		242,515,150	508,938,183	1,336,033,637	1,070,566,955
21. Chi phí khác	32		730,778,702	84,883,455	812,419,126	112,531,476
22. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(488,263,552)	424,054,728	523,614,511	958,035,479
23. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		10,771,078,658	5,170,702,540	21,148,590,729	19,990,346,049
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		92,659,476	732,307,172	1,060,566,474	2,743,608,239
25. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
24. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10,678,419,182	4,438,395,368	20,088,024,255	17,246,737,810


Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng


Nguyễn Thành Quang
Phó Tổng Giám đốc
Thường trực điều hành

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2023

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Quý 4 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MAU SỐ B 03a-DNPNT

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý 4	
		Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1,351,582,528,628	912,471,153,632	4,188,951,793,087	2,490,983,510,912
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(1,159,645,159,267)	(653,429,798,265)	(3,532,573,905,042)	(1,912,425,145,121)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(74,313,845,671)	(76,526,319,135)	(314,618,225,608)	(289,841,032,605)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(1,597,054,606)	(8,317,775,150)	(2,847,591,317)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	10,354,500,703	5,953,475,922	23,483,534,265	25,181,849,212
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(59,668,438,800)	(43,853,272,205)	(243,482,329,424)	(168,642,076,604)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	68,309,585,593	143,018,185,343	113,443,092,128	142,409,514,477
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(30,500,000)	(2,144,211,300)	(2,252,507,775)	(2,918,891,300)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(120,000,000,000)	(213,500,000,000)	(445,000,139,375)	(383,501,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	100,500,000,000	134,000,000,000	397,501,000,000	271,500,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(24,000,005,000)	(438,751,629,550)	(668,404,105,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	178,125,000,000	-	568,274,100,000	341,427,423,241
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17,378,833,693	12,159,165,387	36,674,476,903	190,393,959,908
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	175,973,333,693	(93,485,050,913)	116,445,300,203	(251,502,613,151)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2,627,464)	(183,374,004)	(15,332,957)	(2,059,654,372)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2,627,464)	(183,374,004)	(15,332,957)	(2,059,654,372)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	244,280,291,822	49,349,760,426	229,873,059,374	(111,152,753,046)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	206,334,460,411	171,389,349,342	220,739,121,164	331,894,290,934
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	(114,407,629)	11,396	(111,835,934)	(2,416,724)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60-61)	70	450,500,344,604	220,739,121,164	450,500,344,604	220,739,121,164



Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Nguyễn Thành Quang
Phó Tổng Giám đốc
Thường trực điều hành

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2023

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là “Tổng Công ty”). Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022 là 1000 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.694 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.686 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và năm mươi một (51) đơn vị trực thuộc, bao gồm 50 Công ty thành viên (VNI Hà Nội, VNI Thành phố Hồ Chí Minh, VNI Đà Nẵng, VNI Nghệ An, VNI Hải Phòng, VNI Hải Dương, VNI Tây Nguyên, VNI Nam Hồng Hà, VNI Thăng Long, VNI Quảng Ninh, VNI Đông Đô, VNI Quảng Bình, VNI Bắc Giang, VNI Thanh Hóa, VNI Vĩnh Phúc, VNI Bình Định, VNI Đông Nam Bộ, VNI Sài Gòn, VNI Khánh Hòa, VNI Nam Tây Nguyên, VNI Quảng Ngãi, VNI Thủ đô, VNI Tây Nam Bộ, VNI Tân Sơn Nhất, VNI Thành Đô, VNI Bến Thành, VNI Long An, Sở Giao dịch, VNI Tây Bắc, VNI Tràng An, VNI Hà Thành, VNI Vũng Tàu, Sở Giao dịch 2; VNI Huế; VNI Duyên Hải; VNI Bình Dương; VNI Âu Lạc; VNI Gia Định; VNI Kinh Đô; VNI Vạn Xuân; VNI Hà Tuyên; VNI Lâm Đồng; VNI Nam Định; VNI Phú Thọ; VNI Tiền Giang; VNI Bắc Ninh, VNI Quảng Nam, VNI Thái Nguyên, VNI Bình Phước, VNI Kỹ Thuật Số và Văn phòng đại diện Miền Nam.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 50/2017/TT-BTC (“Thông tư 50”) hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm. Thông tư 50 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng các quy định tại Thông tư 50 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:
Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả, định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2009/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định kế toán hiện hành. Cụ thể như sau:

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left| \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực} \\ \text{tế của các bên} \\ \text{tại tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} \right. - \left| \begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right. \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty đã tính các khoản dự phòng dựa trên thông tin tài chính gần nhất thu thập được của các đơn vị này và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng không có sự thay đổi đáng kể nào ảnh hưởng trọng yếu đến khoản dự phòng Tổng Công ty đã trích lập.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2022
	(Năm)
Phương tiện vận tải	8
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng ty.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

Tổng Công ty đã thực hiện việc trích lập dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 96 Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính, Công văn số 2846/BTC-QLBH của Bộ Tài chính ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017 và Thông tư số 232/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 12 năm 2012, theo đó:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng phí chưa được hưởng:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí nhượng tái đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Dự phòng phí gốc, nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm được trích lập theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Tổng Công ty không được bù trừ các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm với dự phòng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm. Các khoản dự phòng này phải được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của Bảng cân đối kế toán, trong đó các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Dự phòng bảo hiểm nghiệp vụ Bảo hiểm sức khỏe

- Dự phòng toán học (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn trên 01 năm)

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chỉ bảo hiểm cho chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn áp dụng phương pháp trích lập dự phòng toán học theo phương pháp phí bảo hiểm thuần và cơ sở quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, tiết a, điểm 3.1 khoản 3 điều 18 thông tư 50/2017/TT-BTC và điểm 1 Khoản 1 Thông tư 01/2019/TT-BTC của Bộ tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 1917/BTC-QLBH ngày 28 tháng 2 năm 2022.

Đối với cả hợp đồng bảo hiểm sức khỏe khác: áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 19 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính đã được Bộ Tài chính chấp thuận theo Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018.

- Dự phòng phí chưa được hưởng (áp dụng đối với các hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ 01 năm trở xuống)

Dự phòng phí gốc và nhận tái bảo hiểm được tính bằng 25% phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Đối với các tổn thất đã thông báo, được Tổng Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh, bao gồm phần trách nhiệm của Tổng Công ty và phần phải thu đòi nhà tái.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập dự phòng bồi thường gốc và nhận tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% doanh thu phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo tỷ lệ bằng 3% phí nhượng tái bảo hiểm theo từng nghiệp vụ bảo hiểm. Phương pháp trích lập dự phòng bồi thường đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Dự phòng đảm bảo cân đối: Mức trích dự phòng đảm bảo cân đối được áp dụng là 1% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 2846/BTC-QLBH ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ áp dụng từ năm tài chính 2017.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Ghi nhận doanh thu

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm và (2) bên mua bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm hoặc có thỏa

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm (bao gồm cả thời gian gia hạn) nhưng không quá 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm (áp dụng đối với kỳ thanh toán phí bảo hiểm đầu tiên hoặc thanh toán phí bảo hiểm một lần). Riêng khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên (đối với trường hợp đóng phí theo kỳ) hoặc phí bảo hiểm đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm một lần được hạch toán khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

Đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh trách nhiệm, theo số phát sinh dựa trên bảng thông báo tái bảo hiểm của các nhà nhượng tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và được xác nhận bởi Tổng Công ty.

Tổng Công ty ghi nhận phí nhượng tái bảo hiểm trên cơ sở số phí phải nhượng cho các nhà tái bảo hiểm, tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm gốc đã ghi nhận trong kỳ.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời với phí nhượng tái bảo hiểm phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính.

Đối với các hoạt động khác

Doanh thu từ các hoạt động khác của Tổng Công ty như lãi tiền gửi ngân hàng, cổ phiếu, trái phiếu, được ghi nhận khi phát sinh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường.

Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong kỳ và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng bảo hiểm và các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong kỳ, toàn bộ chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh vào khoản mục “Chi phí hoa hồng bảo hiểm gốc” và “Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm”. Cuối kỳ kế toán, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng gốc và nhận tái bảo hiểm và một số khoản chi phí dịch vụ thuê ngoài phục vụ quá trình quản lý hợp

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

đồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí kỳ này tương ứng với khoản phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng kỳ này để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau. Cụ thể:

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm từ 01 năm trở xuống*

Áp dụng phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với loại hình bảo hiểm khác.

- *Đối với các hợp đồng có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm của hợp đồng bảo hiểm sức khỏe người vay vốn chỉ bảo hiểm cho chết và thương tật toàn bộ vĩnh viễn*

Áp dụng phân bổ theo tỷ lệ dự phòng toán học trên doanh thu phí bảo hiểm gốc.

- *Đối với các hợp đồng bảo hiểm khác có thời hạn bảo hiểm trên 01 năm*

Áp dụng phương pháp phân bổ theo từng ngày quy định tại Tiết b, Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 17 Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 của bộ Tài chính.

Các chi phí khác được ghi nhận khi thực tế phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Trong kỳ, do không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào nên Tổng Công ty không phản ánh khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào trên báo cáo tài chính này.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm (Phân loại lại) VND
Tiền mặt	3,292,959,184	4,122,639,815
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	416,988,859,099	186.616.481.349
Tiền đang chuyển	218,526,321	-
Các khoản tương đương tiền (i)	30,000,000,000	30,000,000,000
	450,500,344,604	220,739,121,164

- (i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư tại các ngân hàng thương mại trong nước

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu năm (phân loại lại)	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	587,896,769,251	(3,170,759,017)	657,122,435,008	(4,017,918,257)
<i>a) Chứng khoán kinh doanh</i>	115,896,769,251	(3,170,759,017)	257,621,435,008	(4,017,918,257)
- Tổng giá trị cổ phiếu	115,896,769,251	(3,170,759,017)	257,621,435,008	(4,017,918,257)
<i>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	472,000,000,000	-	399,501,000,000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	472,000,000,000	-	399,501,000,000	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	674,778,878,174	-	760,465,005,000	-
<i>a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	-	-	25,000,000,000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	-	-	25,000,000,000	-
- Trái phiếu	-	-	-	-
<i>a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	36,990,000,000	-	92,540,000,000	-
- Đầu tư vào công ty liên kết (ii)	-	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	36,990,000,000	-	36,990,000,000	-
<i>b) Đầu tư dài hạn khác</i>	637,788,878,174	-	698,475,005,000	-
- Đầu tư mua cổ phiếu	637,788,878,174	-	698,475,005,000	-

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại đến 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính tại các ngân hàng thương mại trong nước.
- (ii) Phân loại lại khoản đầu tư vào Công ty liên kết đầu kỳ do năm 2021 Tổng Công ty Vật tư Nông Nghiệp- Công ty Cổ phần phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn làm giảm tỷ lệ cổ phần nắm giữ của Tổng Công ty, Tổng Công ty phân loại khoản đầu tư vào Tổng Công ty Vật tư Nông Nghiệp- CTCP là khoản đầu tư dài hạn khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. PHẢI THU VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải thu phí bảo hiểm gốc	110,167,663,489	128,825,500,661
Trong đó:		
- Phải thu của bên mua bảo hiểm	106,417,765,045	124,125,999,093
- Phải thu của các doanh nghiệp đồng bảo hiểm:	3,749,898,444	4,699,501,568
b) Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	10,427,017,262	14,225,535,596
c) Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	208,535,735,591	146,420,645,177
d) Phải thu bồi thường từ các doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	5,287,232,100	8,141,086,427
d) Phải thu khác	1,335,939,553	5,289,320,067
	335,753,587,995	302,902,087,928

8. PHẢI THU KHÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu gốc và lãi trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (i)	38,359,899,321	38,359,899,321
Phải thu khác của khách hàng về hoạt động đầu tư cổ phiếu	349,934,475,200	438,780,370,000
Phải thu khác	6,327,506	-
	388,300,702,027	477,140,269,321

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	501,116,847,133	310,620,165,580
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	118,000,000	69,825,381
Tạm ứng	37,837,967,245	2,623,348,672
Phải thu ngắn hạn khác	463,160,879,888	307,926,991,527
b) Dài hạn	13,524,094,192	13,140,842,819
Ký quỹ bảo hiểm	7,000,000,000	7,000,000,000
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	6,524,094,192	6,140,842,819
	514,640,941,325	323,761,008,399

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

10. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU QUÁ HẠN

Nội dung	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	Từ 3 năm trở lên và không có khả năng thu hồi	Cộng
	VND	VND	VND	VND	
Phí bảo hiểm gốc	1,020,409,041	607,376,995	760,270,237	277,237,246	2,665,293,520
Phải thu tái bảo hiểm	181,380,315	124,791,269	4,763,687	190,249,534	501,184,805
Nợ khác				1,151,484,430	1,151,484,430
Cộng	1,201,789,357	732,168,264	765,033,924	1,618,971,210	4,317,962,755

Chi tiết các đối tượng khác theo thời gian quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

	31/12/2022		31/12/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	42,677,862,076	41,241,015,217	43,196,142,422	41,610,425,721
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321	38,359,899,321
Các đối tượng khác	4,317,962,755	2,881,115,896	4,836,243,101	3,250,526,400

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, nợ xấu là các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu do Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Đầu năm đến hết Quý 4/2022 VND	Năm 2021 VND
1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	67,860,460,031	48,938,087,579
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong kỳ/năm	79,677,847,531	62,285,367,926
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	97,469,270,535	43,362,995,474
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	<u>50,069,037,027</u>	<u>67,860,460,031</u>
2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	Số cuối kỳ VND	Số cuối kỳ VND
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3,207,638,958	3,365,987,061
	<u>53,276,675,985</u>	<u>71,226,447,092</u>

12. TÀI SẢN TÁI BẢO HIỂM

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	423,250,927,439	360,141,531,025
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	309,974,708,853	302,556,958,124
	<u>733,225,636,292</u>	<u>662,698,489,149</u>

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	5,814,951,818	15,707,204,040	21,522,155,858
Mua sắm mới	1,462,041,775	760,466,000	2,222,507,775
Thanh lý, nhượng bán	(1,455,581,818)	-	(1,455,581,818)
Số dư cuối kỳ	<u>5,821,411,775</u>	<u>16,467,670,040</u>	<u>22,289,081,815</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	4,372,610,279	13,223,087,715	17,595,697,994
Trích khấu hao	940,349,198	989,101,514	1,929,450,712
Thanh lý, nhượng bán	(1,178,921,679)	-	(1,178,921,679)
Số dư cuối kỳ	<u>4,134,037,798</u>	<u>14,212,189,229</u>	<u>18,346,227,027</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	1,442,341,539	2,484,116,325	3,926,457,864
Tại ngày cuối kỳ	<u>1,687,373,977</u>	<u>2,255,480,811</u>	<u>3,942,854,788</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	7,034,854,959	7,034,854,959
Tăng do mua sắm	30,000,000	30,000,000
Số dư cuối kỳ	7,064,854,959	7,064,854,959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	2,585,249,898	2,585,249,898
Trích khấu hao	858,296,147	858,296,147
Số dư cuối kỳ	3,443,546,045	3,443,546,045
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	4,449,605,061	4,449,605,061
Tại ngày cuối kỳ	3,621,308,914	3,621,308,914

15. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	346,850,775,350	317,020,902,185
b) Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	4,990,094,015	8,401,301,123
c) Phải trả bồi thường bảo hiểm	26,972,587,033	36,025,970,994
d) Phải trả hoa hồng bảo hiểm	12,562,370,618	9,619,977,892
e) Phải trả khác	20,452,587,558	11,232,393,929
	411,828,414,574	382,300,546,123

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a. Các khoản phải nộp		
Thuế GTGT	14,610,027,940	18,380,841,314
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(6,524,901,504)	732,307,172
Thuế thu nhập cá nhân	918,274,812	657,770,633
Thuế nhà thầu nước ngoài	109,221,513	58,126,391
Thuế, phí phải nộp khác	374,673,570	125,316,224
	9,487,296,331	19,954,361,734

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021
	VND	VND
1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng		
- Số dư tại ngày đầu kỳ/năm	112,803,915,104	67,539,079,521
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong kỳ/năm	146,883,321,332	123,255,943,516
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong kỳ/năm	(118,160,962,317)	(77,991,107,933)
- Số dư tại ngày cuối kỳ/năm	141,526,274,119	112,803,915,104
2. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phải trả bảo hiểm xã hội	19,784,610	54,715,498
Phải trả bảo hiểm y tế	9,021,599	16,244,422
Phải trả kinh phí công đoàn	1,289,274,073	1,135,514,224
Phải trả các cổ đông	3,568,039,495	3,583,847,400
Phải trả khác	3,196,479,939	2,511,434,098
	8,082,599,716	7,301,755,642

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Đơn vị: VND

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí, dự phòng toán học chưa được hưởng	Số cuối kỳ		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần (3) = (1) - (2)
1. Dự phòng bồi thường	632,519,688,794	309,974,708,853	322,544,979,941
Trong đó:			
- Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	546,802,424,285	284,737,686,512	262,064,737,773
- Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	85,717,264,509	25,237,022,341	60,480,242,168
2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	1,243,381,434,094	423,250,927,439	820,130,506,655
Cộng	1,875,901,122,888	733,225,636,292	1,142,675,486,596

Trong đó chi tiết:

1. Dự phòng bồi thường	Năm 2022		
	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần (3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	518,545,249,357	302,556,958,124	215,988,291,233
Số trích lập trong kỳ	113,974,439,437	7,417,750,729	106,556,688,708
Số dư cuối kỳ	632,519,688,794	309,974,708,853	322,544,979,941

2. Dự phòng phí chưa được hưởng, dự phòng toán học	Năm 2022		
	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm (1)	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm (2)	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần (3) = (1) - (2)
Số dư đầu kỳ	1,205,517,281,083	360,141,531,025	845,375,750,058
Số trích lập trong kỳ	37,864,153,011	63,109,396,414	(25,245,243,403)
Số dư cuối kỳ	1,243,381,434,094	423,250,927,439	820,130,506,655

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối**

	Từ đầu năm đến hết Quý 4/2022	Năm 2021
Số dư đầu kỳ	84,028,479,444	69,039,832,100
Số trích lập thêm trong kỳ	20,138,047,955	14,988,647,344
Số dư cuối kỳ	<u>104,166,527,399</u>	<u>84,028,479,444</u>

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2021	1,000,000,000,000	12,208,547,038	22,882,371,308	1,035,090,918,346
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	200,000,000,000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	17,246,737,810	17,246,737,810
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	862,336,891	(862,336,891)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(62,371,307)	(62,371,307)
Số dư tại ngày 31/12/2021	<u>1,000,000,000,000</u>	<u>13,070,883,929</u>	<u>39,204,400,920</u>	<u>1,052,275,284,849</u>
<i>Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>				
Số dư tại ngày 01/01/2022	1,000,000,000,000	13,070,883,929	39,204,400,920	1,052,275,284,849
Lợi nhuận/(Lỗ) trong kỳ	-	-	20,088,024,255	20,088,024,255
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	1,004,401,213	(1,004,401,213)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4,400,919)	(4,400,919)
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>1,000,000,000,000</u>	<u>14,075,285,142</u>	<u>58,283,623,043</u>	<u>1,072,358,908,185</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021
	VND	VND
Phí bảo hiểm gốc	2,814,292,324,523	2,184,541,147,248
Bảo hiểm hàng không	4,598,774,800	24,713,977,303
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	659,572,260,049	305,660,001,073
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	79,885,047,457	95,108,293,833
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	63,557,835,358	58,237,143,651
Bảo hiểm xe cơ giới	1,754,327,448,308	1,487,898,341,573
Bảo hiểm cháy nổ	180,960,612,338	163,861,674,366
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	49,797,550,281	36,790,172,411
Bảo hiểm trách nhiệm chung	19,624,943,169	10,965,531,188
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	1,967,852,763	1,306,011,850
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(2,025,876,728)	(5,595,595,677)
Phí nhận tái bảo hiểm	45,051,259,626	40,675,658,287
Bảo hiểm hàng không	402,649,877	412,850,493
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	14,353,147,500	13,017,499,003
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	20,680,400,032	19,262,588,275
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	522,083,256	2,228,836,523
Bảo hiểm xe cơ giới	40,030,492	26,568,963
Bảo hiểm cháy nổ	6,208,096,096	4,543,871,371
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	2,315,689,642	976,904,990
Bảo hiểm trách nhiệm chung	319,239,579	36,101,812
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	209,923,152	170,436,857
Bảo hiểm trách nhiệm chung		
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh		
Bảo hiểm nông nghiệp		
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(60,008,060)	(17,546,318)
(Tăng)/giảm dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(37,864,153,011)	(296,472,800,758)
	2,819,393,546,350	1,923,130,862,782

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021
	VND	VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	841,234,078,018	720,735,195,644
Bảo hiểm hàng không	4,444,447,793	23,759,235,510
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	25,186,969,244	22,583,353,918
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	51,641,999,907	75,580,522,102
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	36,732,150,533	39,143,627,873
Bảo hiểm xe cơ giới	538,693,790,823	401,608,482,321
Bảo hiểm cháy nổ	136,607,336,101	126,973,169,432
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	35,505,102,404	24,280,683,758
Bảo hiểm trách nhiệm chung	11,147,896,982	5,650,599,829
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	1,274,384,231	1,155,520,901
(Tăng)/giảm dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(63,109,396,414)	(112,490,649,794)
	778,124,681,604	608,244,545,850

22. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021
	VND	VND
Tổng chi bồi thường	1,045,452,476,320	715,656,147,833
Bảo hiểm hàng không	1,189,247,473	11,763,092,206
Bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn con người	57,679,319,801	43,403,788,473
Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại	35,226,542,496	46,198,557,234
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	18,161,067,778	17,863,206,121
Bảo hiểm xe cơ giới	822,137,020,069	519,463,116,517
Bảo hiểm cháy nổ	23,717,387,898	36,916,892,910
Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu	25,502,579,986	14,883,012,491
Bảo hiểm trách nhiệm chung	61,839,310,819	25,164,055,489
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	-	426,392
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(421,644,850,214)	(299,875,733,463)
Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	113,974,439,437	35,654,546,921
(Tăng)/Giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(7,417,750,729)	(7,769,518,146)
	730,364,314,814	443,665,443,145

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. CHI KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM**

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021
	VND	VND
Chi hoa hồng bảo hiểm	170,558,928,251	88,177,559,650
Chi đòi người thứ ba	108,090,000	35,751,817
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	47,848,843	58,660,909
Chi đề phòng hạn chế tổn thất	1,075,452,794	903,567,530
Các khoản trích lập bắt buộc theo quy định	1,455,857,721	2,596,560,912
Chi phí liên quan đến hoạt động bán hàng	1,115,577,102,438	690,600,430,164
Chi phí lương, chi phí phục vụ khai thác bảo hiểm	238,295,815,744	216,995,104,419
Chi khác	2,433,968,241	1,627,235,899
	1,529,553,064,032	1,000,994,871,300

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	28,890,811,742	21,362,358,093
Lãi kinh doanh chứng khoán	177,579,970,891	182,503,339,665
Lãi kinh doanh ủy thác đầu tư		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17,208,926,693	6,729,676,809
Lãi chênh lệch tỷ giá	2,222,193,762	2,495,300,036
Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	24,911,369,262	24,005,634,814
	250,813,272,350	237,096,309,417

25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021
	VND	VND
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(847,159,240)	(21,276,766,225)
Chi phí kinh doanh chứng khoán	24,016,675,685	10,541,423,236
Chi phí lãi vay	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1,285,094,381	664,050,570
Chi phí hoạt động tài chính khác	2,755,640	70,467,054
	24,457,366,466	(10,000,825,365)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đông Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DNPNT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2022	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 4/2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý, chi có tính chất phúc lợi	173,510,373,714	180,633,859,109
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63,543,369,614	56,234,851,321
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(369,410,504)	174,874,498
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,787,746,859	2,396,448,943
Chi phí dụng cụ văn phòng	5,960,730,793	6,193,606,063
Chi phí vật liệu quản lý	4,456,114,230	8,038,160,909
Thuế, phí và lệ phí	1,253,264,628	1,040,561,828
Chi phí Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông	637,212,805	622,380,166
Chi phí quản lý khác	1,777,543,513	1,273,975,087
	253,556,945,652	256,608,717,924

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ đầu năm đến hết Quý 4/2022	Từ đầu năm đến hết Quý 4/2021
	VND	VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	21,148,590,729	19,990,346,049
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(17,210,794,404)	(6,729,676,809)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1,365,036,047	457,371,957
Thu nhập chịu thuế	5,302,832,372	13,718,041,197
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	1,060,566,474	2,743,608,239


Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởngNguyễn Thành Quang
Phó Tổng Giám đốc
Thường trực điều hành

Hà Nội, ngày 19 tháng 1 năm 2023